

KẾ HOẠCH
Tổ chức dạy thêm, học thêm (ôn tốt nghiệp THPT) năm 2025

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ GDĐT quy định về dạy thêm, học thêm;

Căn cứ Kế hoạch số 70/KH-SGDĐT, ngày 26/8/2023 của Sở GDĐT về việc nâng cao kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, công tác bồi dưỡng học sinh giỏi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo;

Căn cứ số 230/SGDĐT- TTr của Sở GD&ĐT Bắc Giang ngày 17/02/2025 về việc thực hiện Thông tư số 29/2024/TT- BGDDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ công văn số 309/SGDĐT- GDTrH, GDTX, ngày 03/3/2025 của Sở GD&ĐT Bắc Giang về việc tổ chức dạy học các môn thi TN 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 218/KH-THPTHH4 ngày 07/10/2024 của Hiệu trưởng trường THPT Hiệp Hòa số 4 ban hành Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025;

Căn cứ tình hình thực tế, trường THPT Hiệp Hòa số 4 xây dựng Kế hoạch Tổ chức dạy thêm, học thêm (ôn tốt nghiệp THPT) năm 2025. Cụ thể:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Tiếp tục công tác ôn thi tốt nghiệp THPT theo đúng quy định của Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ GDĐT quy định về dạy thêm, học thêm.

- Thực hiện hiệu quả, đồng bộ các giải pháp để nâng cao kết quả thi TN THPT 2025, đặc biệt đối với các môn thi chưa đạt kết quả cao trong kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2024, đồng thời gắn với mục tiêu giáo dục toàn diện và góp phần nâng cao điểm tổ hợp xét tuyển vào các trường Đại học, Cao đẳng năm 2025.

- Phát huy tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đối với công tác ôn thi tốt nghiệp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

- Công tác ôn thi tốt nghiệp phải thường xuyên được quan tâm chỉ đạo, giao chỉ tiêu cụ thể tới từng môn, từng giáo viên ôn tập.

II. THỰC TRẠNG NHÀ TRƯỜNG

1. Cơ sở vật chất

a) Khối phòng hành chính quản trị

Nhà trường đảm bảo đầy đủ các phòng khối hành chính quản trị theo quy định. Tất cả các phòng chức năng đều được xây dựng kiên cố, có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành. Phòng bảo vệ đặt ở cổng trường có vị trí quan sát thuận tiện; 02 khu vệ sinh riêng cho nam, nữ CB, GV, NV đảm bảo sạch sẽ, tiện dụng, phù hợp với cảnh quan chung; khu nhà để xe có mái che đủ chỗ để xe cho CB, GV, NV.

b) Khối phòng học tập

Nhà trường đảm bảo 01 phòng học/lớp; các phòng học có đầy đủ bàn ghế, đảm

bảo chế độ ánh sáng, quạt mát theo quy định để tổ chức dạy học một ca. Phòng học bộ môn và nhà đa chức năng đảm bảo tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục theo Chương trình GDPT 2006. Tuy vậy, để đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDPT 2018, nhà trường cần bố trí thêm các phòng học bộ môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Ngoại ngữ.

c) Thiết bị dạy học

Về cơ bản, nhà trường đảm bảo các thiết bị phục vụ dạy học và các hoạt động giáo dục. Đặc biệt, tất cả các phòng học của nhà trường đều được trang bị Smart Tivi rất thuận tiện để ứng dụng CNTT, đổi mới PPDH. Hằng năm, các thiết bị dạy học đã được kiểm kê, sửa chữa, bổ sung. Tuy nhiên, một số thiết bị dạy học đã hư hỏng, xuống cấp, thiếu độ chính xác.

2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (CBQL, GV, NV)

1.1. Về cơ cấu giới tính, độ tuổi; đảng viên

Năm học	TS	Giới tính			Độ tuổi			Đảng viên
		Nam	Nữ	≤30	31-40	41-50	≥51	
2024-2025	74	21	53			12	0	

Đội ngũ CBQL, GV, NV của nhà trường chủ yếu đang trong độ tuổi từ 31 đến 40 tuổi. Tỷ lệ Đảng viên chiếm trên 50% tổng số CB, GV, NV. Công tác phát triển Đảng viên đã được chú trọng.

1.2. Về trình độ đào tạo

Năm học	Tổng số	CBQL			GV			NV			
		TS	Trình độ		TS	Trình độ		TS	Trình độ		
			Th.S	ĐH		Th.S	ĐH		ĐH	CD	TC
2024- 2025	74	3	2	1	68	8	60	3	2	0	1

Tỷ lệ GV/lớp của nhà trường đạt 2,26. Đội ngũ CBQL, GV của nhà trường đều đạt trình độ đào tạo chuẩn và trên chuẩn. Tỷ lệ CBQL, GV có trình độ trên đại học là 10 người chiếm 13,51%

1.3. Tổ chuyên môn và cơ cấu GV phân theo chuyên môn

	Tổ Toán Tin		Tổ Văn	Tổ Tiếng Anh	Vật lý- CNCN		Sử - Địa- GDKT& PL			Sinh- Hóa- CNNN			TD- QPAN	
	Toán	Tin	Văn	T.Anh	Lý	CNCN	Sử	Địa	GDKT & PL	Sinh	Hóa	CNNN	TD	QPAN
68	10	4	9	8	6	3	4	4	3	4	5	1	5	2

Năm học 2024-2025, nhà trường có 07 tổ chuyên môn, 01 tổ Văn phòng. Về cơ bản, cơ cấu GV của nhà trường đảm bảo hợp lý giữa các môn học.

3. Học Sinh

Tổng số: 30 lớp, mỗi khối 10 lớp.

- Tổng số HS: 1317; trong đó:

Khối 10		Khối 11		Khối 12		Tổng		Ghi chú
Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	
10	450	10	438	10	429	30	1317	

III. CHỈ TIÊU VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Chỉ tiêu thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và thời gian ôn tập

a. Thời gian ôn tập

- Thời gian: Từ 14/02/2025 → 24/6/2025;
- Số buổi ôn thi tốt nghiệp trực tiếp tại nhà trường: 16 buổi/môn;
- Chỉ tiêu chung: Tỷ lệ đỗ Tốt nghiệp: 100%;
- Điểm trung bình các môn đạt 6,9; xếp thứ 17 toàn tỉnh.

2. Chỉ tiêu cụ thể và phân công giáo viên ôn tốt nghiệp

STT	Môn	HS ôn	Điểm TB	Thứ hạng	Giáo viên ôn TN
1	Toán	429	6.5	24	Ngô Trọng Bình (nhóm trưởng) Vũ Thị Nhung Nguyễn Thị Bích Thùy
2	Ngữ văn	429	7.8	11	Nghiêm Thị Ngọc Thương (nhóm trưởng) Nguyễn Thị Hải Quyên Nguyễn Thị Tới Nguyễn Thị Bình
3	Vật lí	175	6.9	17	Nguyễn Thị Hạ (nhóm trưởng) Tống Ngọc Thắng
4	Hóa học	91	7.0	15	Tạ Văn Đại (nhóm trưởng) Bùi Thị Nho
5	Sinh học	19	6.4	18	Đào Thị Tiền
6	Lịch sử	196	7.2	11	Đào thị Hồng Vỹ (nhóm trưởng) Quách thị Thuyết
7	Địa lí	188	7.5	10	Ngô Thị Ninh (nhóm trưởng) Nguyễn Văn Xuyên Vũ Thị Chi Dương Thị Hà Vân
8	GD KT& PL	47	9.0	9	Nguyễn Thị Lan (nhóm trưởng) Trần Thị Thảo
9	Tiếng Anh	113	5.2	26	Nguyễn Thị Lan (nhóm trưởng) Nguyễn Thị Phương Lan Nguyễn Thị Hiên
10	Tin học	13	6.5	17	Đỗ Thị Hường

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

- Tiếp tục tuyên truyền và phổ biến những điểm mới về Quy chế thi TN 2025 và

nội dung của Thông tư 29 đến cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh nhà trường để thực hiện đúng theo quy định.

- Rà soát lại PCCM, tận dụng số giờ của GV chưa bố trí đủ định mức lao động để phân công cho GV dạy ôn cuối cấp.

- Phân công lao động hợp lý dựa theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tiến hành từ tổ/nhóm chuyên môn để phát huy tốt nhất khả năng của từng GV; lựa chọn GV có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có kinh nghiệm làm công tác chủ nhiệm và giảng dạy.

- Tăng cường tổ chức thi thử và rèn kỹ năng làm bài, sau mỗi lần thi thử phân tích kết quả học tập của HS làm căn cứ phân loại đối tượng HS; thực hiện ôn tập, phụ đạo HS theo nhóm đối tượng có điểm thi thấp và có nguy cơ trượt TN.

- Chỉ đạo GV chủ nhiệm và GV giảng dạy lớp 12 thường xuyên quan tâm, động viên, khích lệ HS có học lực yếu kém; tạo cơ hội cho các em tham gia nhiều hơn vào các hoạt động học tập, thể hiện năng lực của bản thân qua các hoạt động học vừa sức, từng bước tìm thấy hứng thú, sự tự tin trong học tập; tổ chức các nhóm học tập để HS giúp đỡ nhau.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy thêm, học thêm; tổ chức dạy thêm, học thêm theo đúng quy định. Ưu tiên phân các lớp dạy thêm, học thêm cho những GV tâm huyết, có nhiều kinh nghiệm. GV tham gia dạy thêm phải cam kết về chất lượng giảng dạy, xây dựng chương trình, nội dung, soạn giáo án dạy thêm theo quy định; sau mỗi buổi dạy thêm cần giao câu hỏi, bài tập cho học sinh tự học ở nhà; đầu mỗi buổi dạy thêm cần kiểm tra, nhận xét, đánh giá kết quả học tập ở nhà của HS.

- Tổ chức cho học sinh tự học tập trung tại nhà trường dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn.

- Nâng cao kỹ năng khai thác, ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp dạy học; đa dạng các hình thức dạy học thông qua internet (*Zalo, FB, Gmail...*), trên truyền hình và các hình thức khác. Phát huy ưu điểm của tất cả các hình thức dạy học; kinh nghiệm dạy học qua internet, trên truyền hình qua đó phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu của học sinh.

- Tiếp tục giao chỉ tiêu chất lượng thi Tốt nghiệp THPT giữa nhà trường, tổ/nhóm chuyên môn và GV, trong đó các bên phải cam kết duy trì và nâng cao chất lượng bộ môn bằng các chỉ tiêu cụ thể. Đưa các chỉ tiêu về chất lượng dạy học trở thành tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp loại GV và tổ chuyên môn cuối năm học. Chỉ đạo GVCN yêu cầu từng HS căn cứ vào lực học của mình để đăng ký dự kiến điểm thi tốt nghiệp (kể cả thi ở từng giai đoạn) của từng môn. Với đăng ký dự kiến HS sẽ tự lập kế hoạch ôn tập cụ thể phân phối thời gian ôn tập hợp lý cho từng môn (nhà trường căn cứ vào kế hoạch mà các em lập có thể xây dựng kế hoạch giúp đỡ các em tự học ở nhà).

- Căn cứ vào khung phân phối chương trình do Sở GD&ĐT ban hành, chỉ đạo GV thực hiện nghiêm túc việc xây dựng phân phối chương trình chi tiết theo hướng phân hóa đối tượng HS.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn phân tích cấu trúc đề thi của Bộ GD&ĐT, điểm thi

THPT năm 2024 của nhà trường để xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch ôn tập phù hợp với HS nhà trường. Xây dựng kế hoạch dạy riêng cho những HS có nguy cơ bị điểm liệt (tăng buổi, ôn luyện kiến thức nền, thậm chí đặt mục tiêu chống điểm liệt, phân công HS học khá hơn hỗ trợ).

- Thường xuyên liên hệ, phối hợp với cha mẹ HS nhằm trao đổi thông tin, thống nhất các giải pháp giáo dục HS, kiểm soát thời gian và việc học ở nhà của HS. Tăng cường mối liên hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc tổ chức và hỗ trợ học sinh trong học tập.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lãnh đạo nhà trường

- Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền đến cán bộ, GV và HS về tầm quan trọng của công tác nâng cao kết quả thi tốt nghiệp THPT và thi chọn học sinh giỏi. Dần xóa bỏ tâm lý buông xuôi của một bộ phận GV, HS. Bồi dưỡng tư tưởng nỗ lực vươn lên và vượt qua chính mình cho GV và HS.

- Lựa chọn, sắp xếp đội ngũ GV có trình độ, có chuyên môn, có sự nhiệt huyết để phân công, phân nhiệm phù hợp sở trường của mỗi người.

- Tổ chức đánh giá kết quả, thực trạng thi Tốt nghiệp THPT 2024 và học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh năm 2025 để sớm xây dựng kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế.

- Thường xuyên rà soát kế hoạch dạy học và thi thử theo từng giai đoạn ôn thi. Thực hiện nghiêm túc công tác ra đề, coi thi, chấm thi, phân tích kết quả thi để sớm điều chỉnh kế hoạch dạy học.

- Xây dựng cơ chế khen thưởng, động viên kịp thời đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích cao. Điều chỉnh, nhắc nhở kịp thời đối với các tập thể cá nhân chưa hoàn thành kế hoạch hoặc có biểu hiện chủ quan, lơ là...

2. Giáo viên bộ môn

- Xây dựng kế hoạch, phân phối chương trình, giáo án bồi dưỡng, phụ đạo, dạy thêm cụ thể, đảm bảo tính khả thi, phù hợp với trình độ, năng lực của từng nhóm HS.

- Chú trọng biên soạn tài liệu ôn thi, đề thi thử bám sát với cấu trúc đề thi, hướng dẫn nội dung thi HSG của Sở GD&ĐT, Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện nghiêm túc lịch dạy thêm, bồi dưỡng trực tiếp, tăng cường dạy học trực tuyến, giao bài tập về nhà và hướng dẫn học sinh tự học.

3. Giáo viên chủ nhiệm

- Phối hợp với GV bộ môn để phân nhóm HS của lớp chủ nhiệm, đảm bảo việc giảng dạy, giúp đỡ sát với năng lực, hoàn cảnh và điều kiện của các em. Đặc biệt quan tâm và có kế hoạch giúp đỡ cụ thể đối với những HS có nguy cơ trượt tốt nghiệp.

- Phối hợp với GV bồi dưỡng và cha mẹ HS thường xuyên động viên, khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để HS có đủ thời gian, có động lực và quyết tâm trong công tác ôn thi.

4. Tổ chuyên môn

- Tổ trưởng tổ chuyên môn chịu trách nhiệm phê duyệt kế hoạch, giáo án, giám sát hoạt động giảng dạy của GV dạy chính, ôn tập;

- Tổ chức xây dựng nguồn học liệu, đề thi thử, chấm thi thử, cung cấp kết quả đạt được cho GV dạy chính và lãnh đạo nhà trường.

Trên đây là kế hoạch dạy thêm học thêm (ôn tốt nghiệp THPT năm 2025), yêu cầu các bộ phận có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo nhà trường;
- TTCM;
- GV ôn thi TN;
- Lưu: VT._{BT}

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Đỗ Thị Thanh Thương

Phụ lục 1
Bảng phân công số buổi ôn tốt nghiệp THPT 2025

Môn	Số lớp	Giáo viên dạy	Lớp dạy	Sĩ số	số HS/môn	Số buổi dạy	Tiết dạy/ buổi	Tổng
Toán	10	Vũ Thị Nhung	12A1	45	429	16	2	32
		Ngô Trọng Bình	12A2	45		16	2	32
		Nguyễn T. Bích Thùy	12A3	42		16	2	32
		Vũ Thị Nhung	12A4	41		16	2	32
		Nguyễn T. Bích Thùy	12A5	42		16	2	32
		Ngô Trọng Bình	12A6	43		16	2	32
		Ngô Trọng Bình	12A7	45		16	2	32
		Ngô Trọng Bình	12A8	40		16	2	32
		Vũ Thị Nhung	12A9	42		16	2	32
		Nguyễn T. Bích Thùy	12A10	44		16	2	32
Ngữ văn	10	Nguyễn Th Hải Quyên	12A1	45	429	16	2	32
		Nguyễn Thị Bình	12A2	45		16	2	32
		Nguyễn Thị Tới	12A3	42		16	2	32
		Nguyễn Th Hải Quyên	12A4	41		16	2	32
		Nguyễn Thị Bình	12A5	42		16	2	32
		Nguyễn Thị Tới	12A6	43		16	2	32
		Nguyễn Thị Bình	12A7	45		16	2	32
		Nguyễn Th Hải Quyên	12A8	40		16	2	32
		Nghiêm Th. Ng.Thương	12A9	42		16	2	32
		Nguyễn Th Hải Quyên	12A10	44		16	2	32
Vật lý	05	Tổng Ngọc Thắng	12A1	33	175	16	2	32
		Tổng Ngọc Thắng	12A2	37		16	2	32
		Tổng Ngọc Thắng	12A3	28		16	2	32
		Nguyễn Thị Hạ	12A4, 12A9	41		16	2	32
		Nguyễn Thị Hạ	12A5	39		16	2	32
Hóa học	03	Tạ Văn Đại	12A1,12A2	31	91	16	2	32
		Tạ Văn Đại	12A3, 12A7	34		16	2	32
		Bùi Thị Nho	12A4,12A5	27		16	2	32
Sinh học	01	Đào Thị Tiên	12A1,2,3,4,5	19	19	16	2	32
Lịch sử	06	Quách Thị Thuyết	12A1,12A3, 12A5	30	196	16	2	32
		Đào Thị Hồng Vỹ	12A2,12A4	21		16	2	32

Môn	Số lớp	Giáo viên dạy	Lớp dạy	Sĩ số	số HS/môn	Số buổi dạy	Tiết dạy/ buổi	Tổng
		Đào Thị Hồng Vỹ	12A6	36		16	2	32
		Quách Thị Thuyết	12A7,12A8	40		16	2	32
		Quách Thị Thuyết	12A9	39		16	2	32
		Đào Thị Hồng Vỹ	12A10	37		16	2	32
Địa lý	05	Ngô Thị Ninh	12A6	42	188	16	2	32
		Vũ Thị Chi	12A7	41		16	2	32
		Dương Thị Hà Vân	12A8	36		16	2	32
		Ngô Thị Ninh	12A9	38		16	2	32
		Nguyễn Văn Xuyên	12A10	33		16	2	32
GD KT&PL	01	Nguyễn Thị Lan Trần Thị Thảo	Cả khối	45	45	16	2	32
Tiếng Anh	05	Nguyễn Thị Lan	12A1	30	113	16	2	32
		Nguyễn Thị Hiên	12A2,12A9	28		16	2	32
		Nguyễn Thị Lan	12A4, 12A3,12A8	38		16	2	32
		Nguyễn Thị P. Lan	12A5,12A6, 12A7	42		16	2	32
Tin 12	01	Đỗ Thị Hương	Cả khối	13	13	16	2	32
Tổng số tiết dạy								1472

